CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Lilama 5

Ngày 30/06/2025	1,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.1%	**0%**	**71.4%**

DT thuần
Q2/25
12.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.30| 130%
YoY: ▼2.50| -16.3%

LN thuần
Q2/25
0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -83.5%
YoY: ▲ 0.15| 116%

LN sau thuế
Q2/25
-1.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09| -8.3%
YoY: ▲ 0.34| 22.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-8.9%
YoY: +/-▲ 10.0%

ROE (TTM)
Q2/25

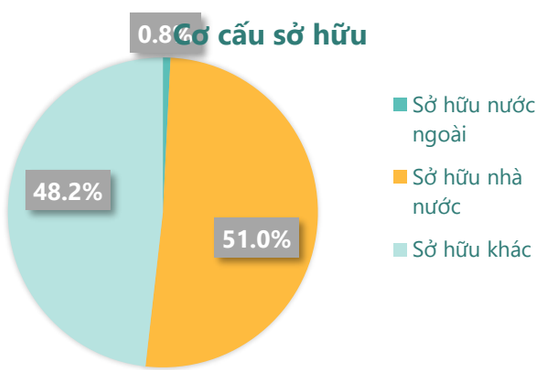
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	700 - 1,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6
Số lượng CPLH (CP)	5,149,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.03
EPS	
P/E	

DT thuần
6T 2025
18.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.40| -19.3%

LN thuần
6T 2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.50| 142%

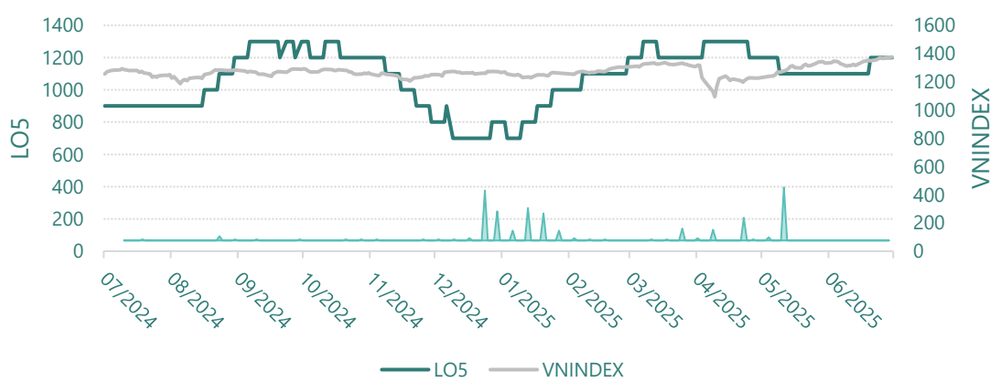
LN sau thuế
6T 2025
-2.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.58| 20.9%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

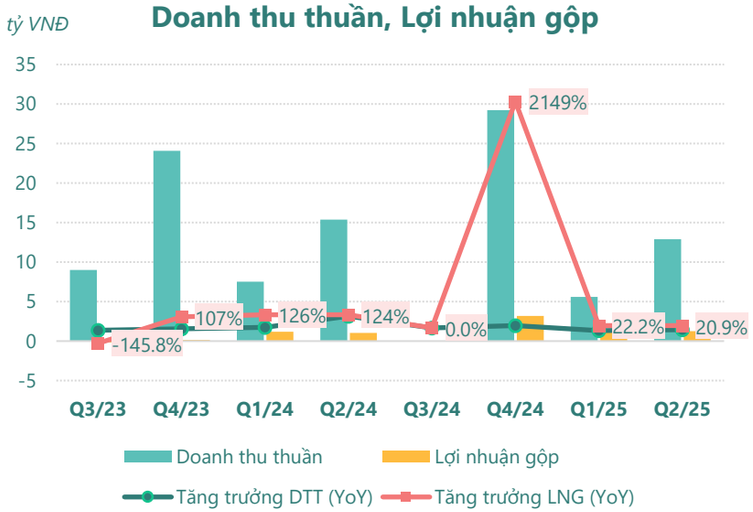




(Nguồn: fireant.vn)

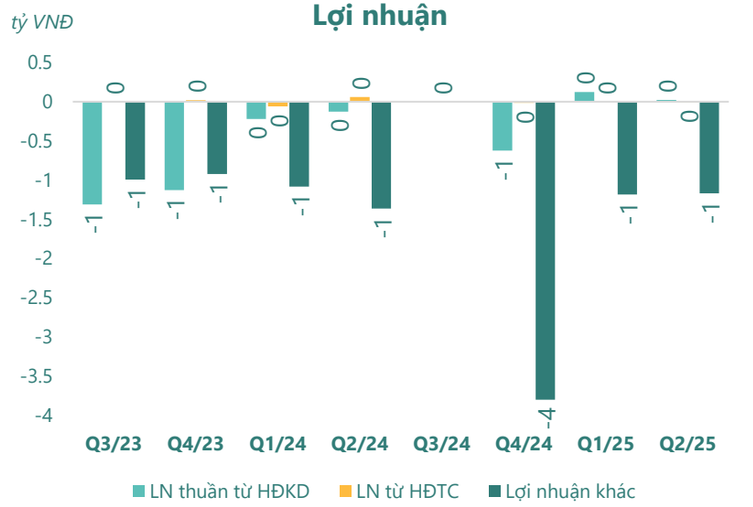
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



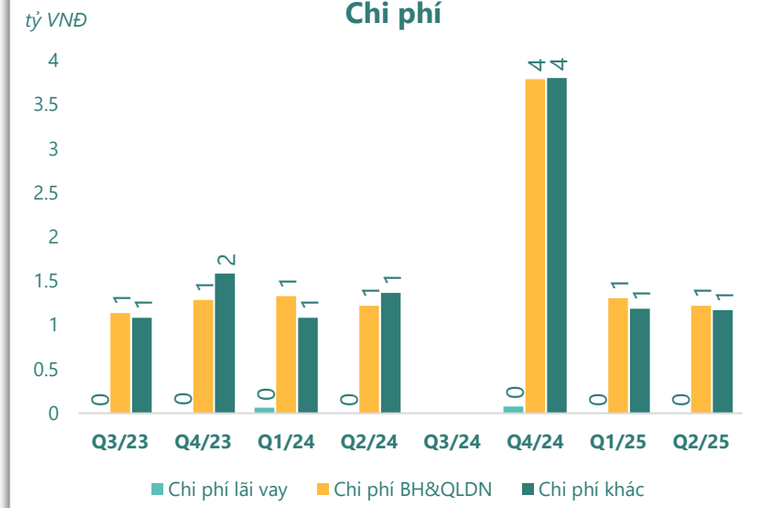
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



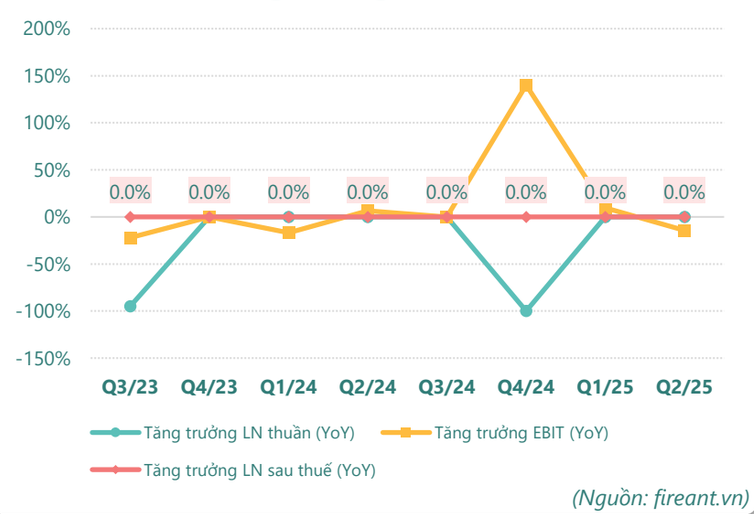
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



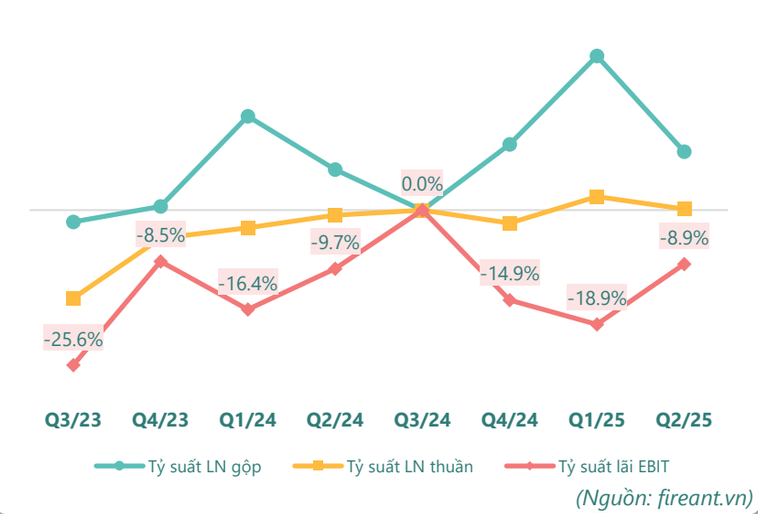
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



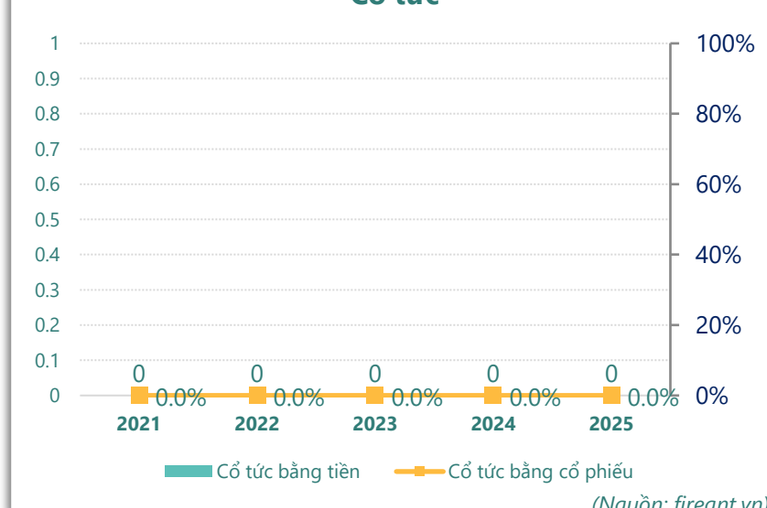
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

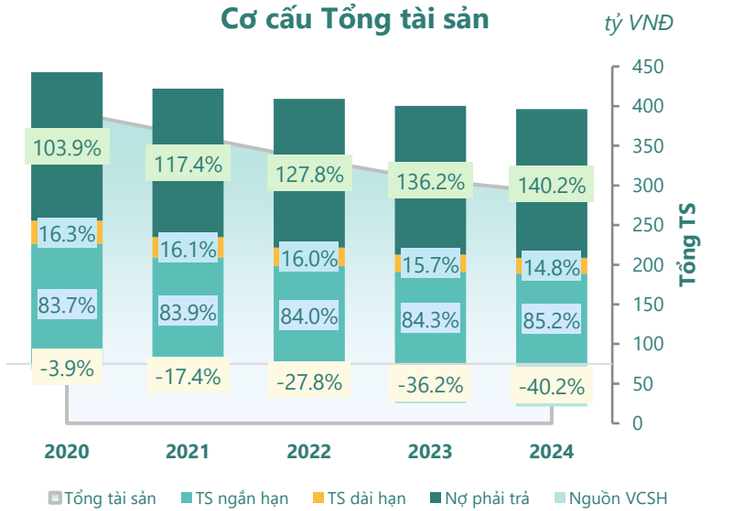
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

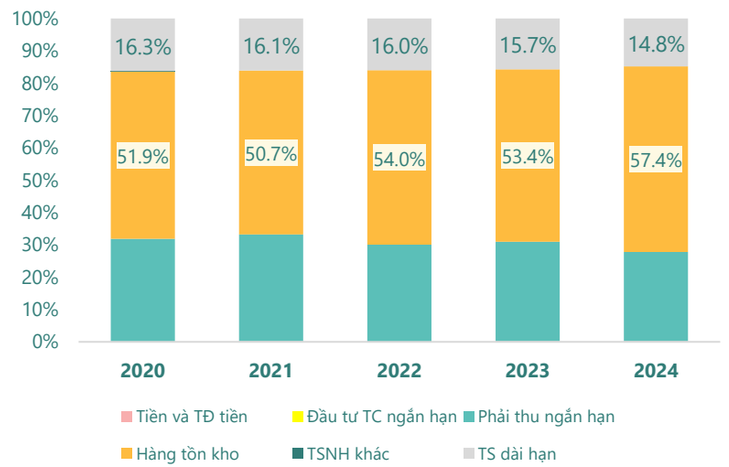
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



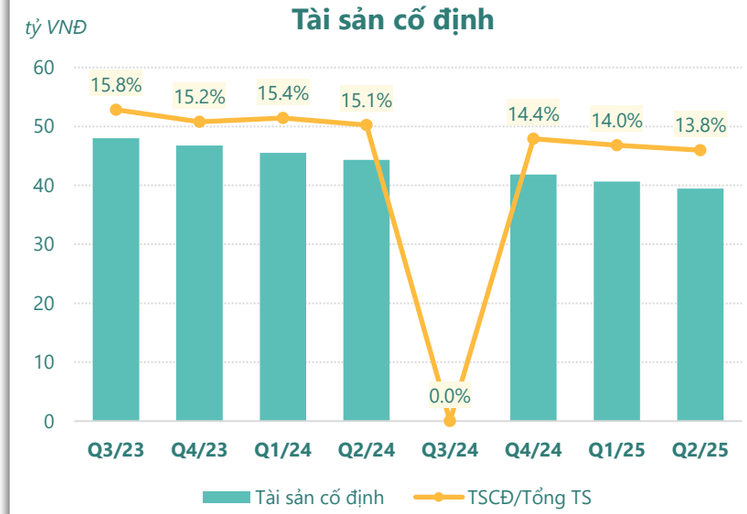
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



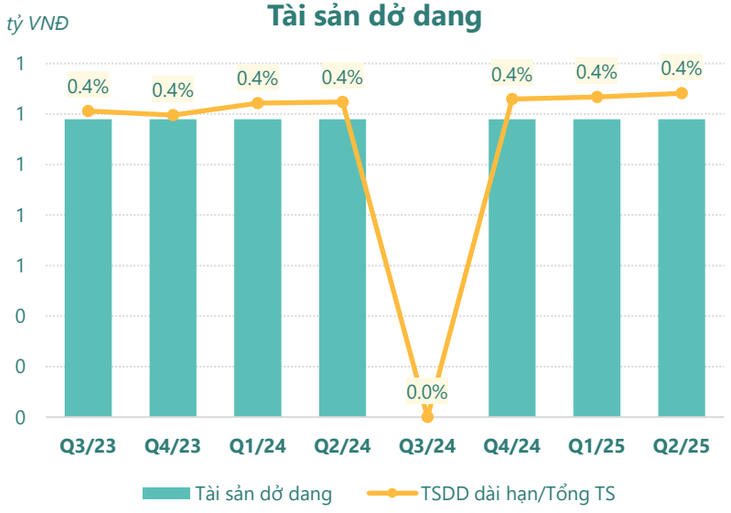
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



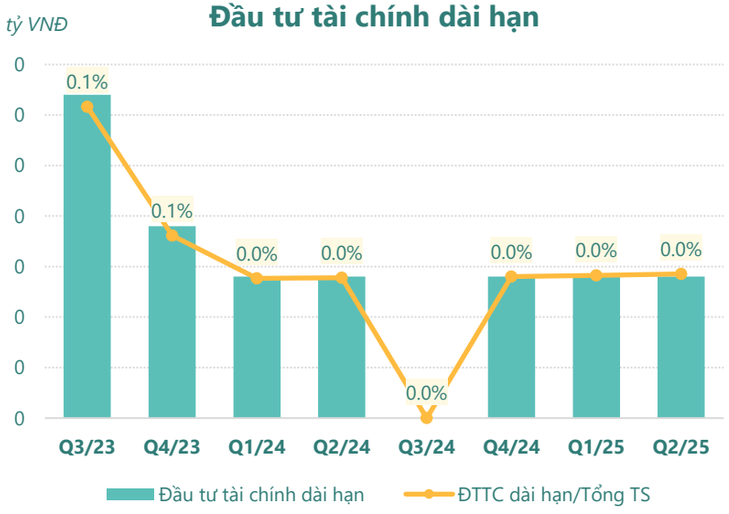
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



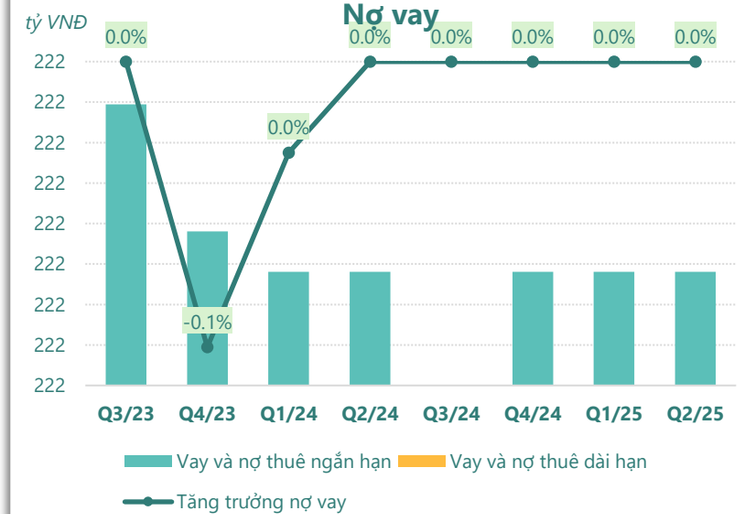
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

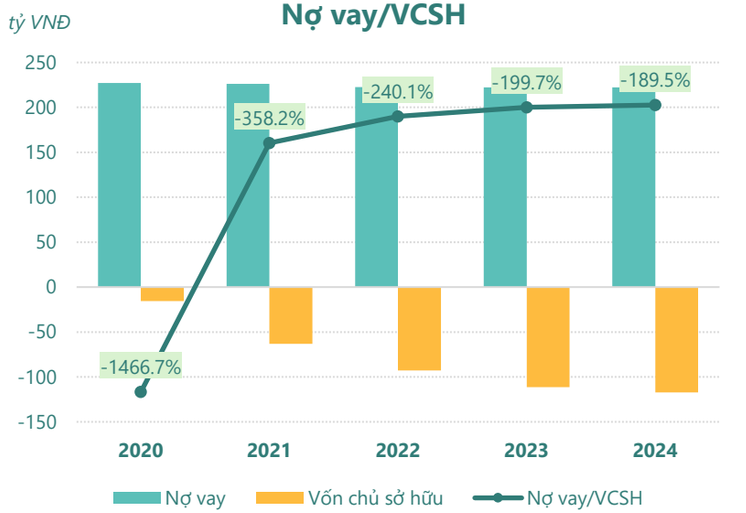
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



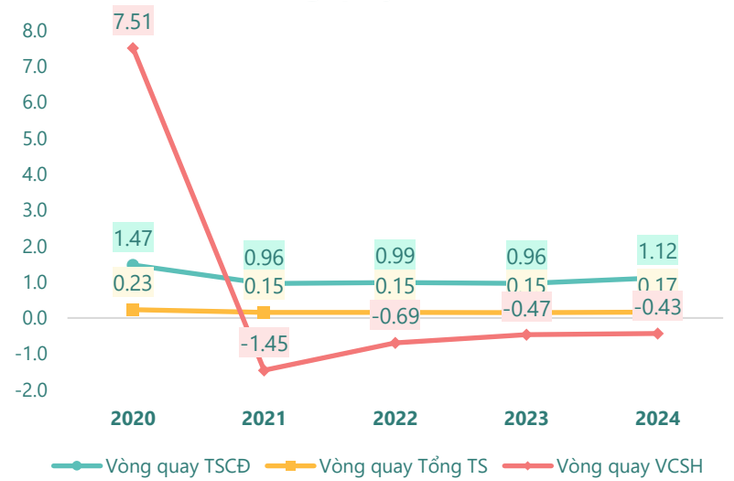
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



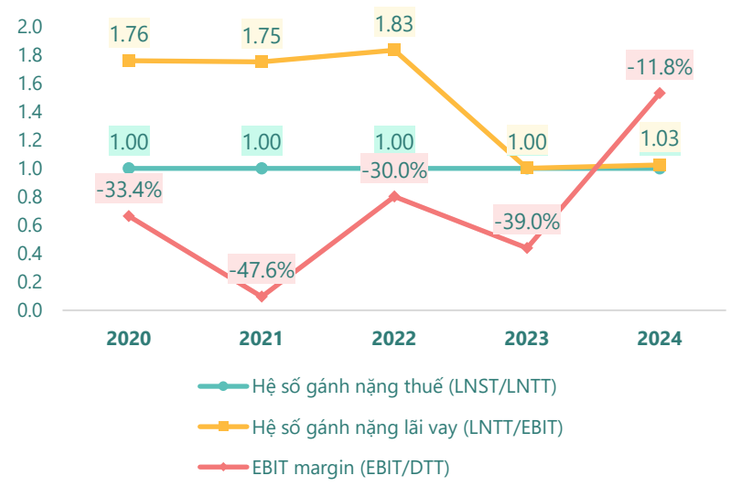
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



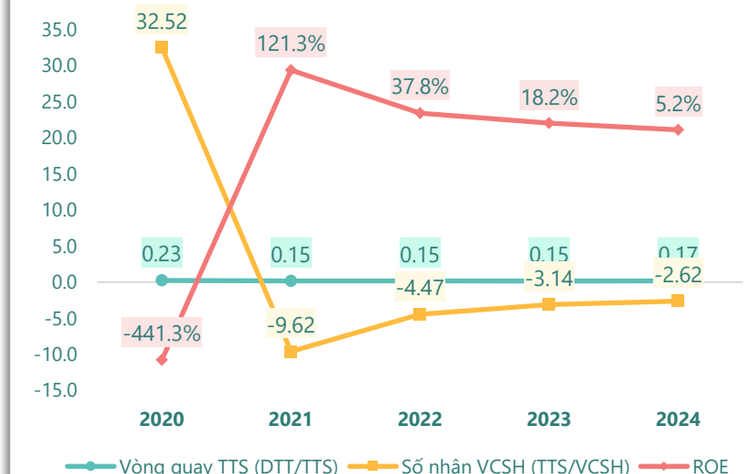
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



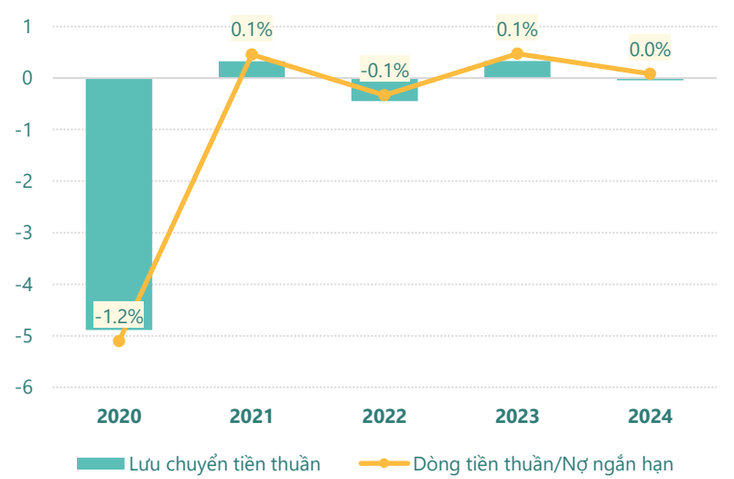
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**12.9**	**15.4**	**-16.3%**	**18.5**	**22.9**	**-19.3%**
Giá vốn hàng bán	11.6	14.4	-19.1%	15.8	20.7	-23.6%
Lợi nhuận gộp	1.25	1.03	21.0%	2.67	2.20	21.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.06	-99.6%	0.00	0.06	-98.2%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	0.06	-92.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.06	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.22**	**1.22**	**0.0%**	**2.52**	**2.55**	**-0.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.02	-0.13	116%	0.15	-0.35	142%
Lợi nhuận khác	**-1.17**	**-1.36**	**14.0%**	**-2.35**	**-2.45**	**3.7%**
LN trước thuế	-1.15	-1.49	22.9%	-2.21	-2.79	20.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.15**	**-1.49**	**22.9%**	**-2.21**	**-2.79**	**20.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.15**	**-1.49**	**22.9%**	**-2.21**	**-2.79**	**20.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.15	0.69	0	0	0.32	-0.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.06	0	0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.47	0.63	0	0	0.43	0.75
Lưu chuyển tiền thuần	**0.16**	**0.75**	**0**	**0**	**0.32**	**-0.58**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.63	1.38	0	0	0.75	0.17

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**286**	**291**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	245	248	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	0.17	0.43	-60.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.8	80.6	4.0%
Hàng tồn kho	161	167	-3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0	
Tài sản dài hạn	**40.8**	**43.2**	**-5.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	39.4	41.9	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.18	1.18	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.14	0.14	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	406	409	-0.7%
Nợ ngắn hạn	**406**	**409**	**-0.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	222	222	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	67.5	67.4	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-119**	**-117**	**-1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**-119**	**-117**	**-1.9%**
Vốn điều lệ	51.5	51.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)